

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy tái chế nhựa phế liệu (công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm), tại Lô B, Cụm công nghiệp Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Khang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà máy tái chế nhựa phế liệu (công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm), tại Lô B, Cụm công nghiệp (CCN) Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Khang tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 02/7/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy tái chế nhựa phế liệu (công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm), tại Lô B, CCN Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/CV-TK ngày 09/8/2021 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Khang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 705/TTr-STNMT ngày 24/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy tái chế nhựa phế liệu (công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm), tại Lô B, CCN

Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Khang (Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Mỹ Lợi theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này. Cụ thể hóa các giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng vào các hợp đồng thi công với nhà thầu, hướng dẫn giám sát các nhà thầu thực hiện.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Lợi;
- Chủ dự án;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY TÁI CHẾ NHỰA PHẾ LIỆU (CÔNG SUẤT: 360 TẤN CHAI
NHỰA PET TÁI CHẾ CÁC LOẠI/NĂM) CỦA CÔNG TY TNHH SẢN
XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TIỀN KHANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy tái chế nhựa phế liệu (công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm).

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiền Khang.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B, Cụm công nghiệp (CCN) Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án, công suất dự án:

- Diện tích: 5.015 m².

- Công suất: 360 tấn chai nhựa pet tái chế các loại/năm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà làm việc, xưởng sản xuất, kho thành phẩm, sân chứa nguyên liệu, trạm xử lý nước thải, bể nước sản xuất và PCCC, nhà tập kết chất thải rắn, trạm biến áp, tường rào, cổng ngõ.

Thời gian thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ dự án: 6 tháng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi và khí thải phát sinh từ quá trình thi công, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất từ quá trình rửa mảnh nhựa và làm mát sợi nhựa; chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; mùi khu vực chứa rác, nhà vệ sinh, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị máy móc.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh khoảng 0,36 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: TSS, BOD₅, Amoni, Coliforms.

- Nước thải từ hoạt động thi công, xây dựng: lưu lượng phát sinh khoảng 0,4m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ.

b. Giai đoạn hoạt động

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm: nước thải từ sinh hoạt của công nhân khoảng $0,36 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải từ quá trình rửa mảnh nhựa khoảng $21,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước thải từ quá trình làm mát sợi nhựa khoảng $1,36 \text{ m}^3/\text{lần xả}$.

- Giai đoạn vận hành thương mại: nước thải từ hoạt động của công nhân khoảng $0,72 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải từ quá trình rửa mảnh nhựa khoảng $28,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải từ quá trình làm mát sợi nhựa khoảng $1,36 \text{ m}^3/\text{lần xả}$.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh. Nước thải sản xuất có chứa chất lơ lửng, độ màu cao, các chất hữu cơ.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO_x.

b. Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, bụi từ công đoạn nhập và chuẩn bị nguyên liệu, sản phẩm, mùi phát sinh trong quá trình sản xuất, từ khu vực tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, NO₂, C_xH_y, CO, CO₂, SO₂.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- CTR sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân (chất hữu cơ, ni lông, giấy,...) với khối lượng khoảng $6,84 \text{ kg/ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- CTR xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công (đất thừa do quá trình đào móng, mương thoát nước ước tính khoảng 70 m^3 ; gạch vỡ, sắt thép vụn,... với khối lượng khoảng $15 - 25 \text{ kg/ngày}$), có thể gây bụi, bồi lắng khu vực xung quanh.

b. Giai đoạn hoạt động

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng $6,84 \text{ kg/ngày}$ (thành phần chủ yếu gồm: túi nilon, các loại rau củ, quả, thức ăn dư thừa, vỏ đồ hộp nhựa, chai lọ thải,...). CTR sản xuất phát sinh khoảng $39,44 \text{ kg/ngày}$ (thành phần chủ yếu bùn từ bể lắng trong quá trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành thương mại: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng $13,70 \text{ kg/ngày}$ (thành phần chủ yếu gồm: túi nilon, các loại rau củ, quả, thức ăn dư thừa, vỏ đồ hộp nhựa, chai lọ thải,...). CTR sản xuất phát sinh khoảng $55,47 \text{ kg/ngày}$ (thành phần chủ yếu bùn từ bể lắng trong quá trình xử lý nước thải).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Phát sinh với tổng khối lượng khoảng 28kg. Thành phần bao gồm: các loại vật dụng nhiễm dầu mỡ (can, thùng phuy chứa dầu mỡ thải bỏ, giẻ lau dính dầu mỡ), ắc quy thải.

b. Giai đoạn hoạt động

- CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành thử nghiệm khoảng 7 kg/tháng, giai đoạn vận hành thương mại khoảng 208,8 kg/năm. Thành phần bao gồm: pin, ắc quy, mực in, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu máy, các loại vật dụng nhiễm dầu mỡ, than hoạt tính đã qua sử dụng...

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước mưa, nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh tiêu thoát nước chảy tràn theo địa hình; thu dọn mặt bằng xây dựng rơi vãi sau mỗi ngày làm việc, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu, rác thải.

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt và thuê đơn vị có chức năng tại địa phương đến bơm hút, đem đi xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Hạn chế lượng nước sử dụng trong quá trình bảo dưỡng bê tông, thực hiện an toàn về máy móc, thiết bị thi công, hạn chế tối đa rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các ống dẫn đi qua hố ga có nắp đậy và đấu nối về hố thu gom nước mưa của nhà xưởng và đấu nối vào cống thoát nước của CCN.

- Nước thải sản xuất từ quá trình rửa mảnh nhựa và sinh hoạt: được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày đêm để xử lý trước khi tái sử dụng cho quá trình rửa mảnh nhựa và nước thải từ quá trình làm mát sợi nhựa được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ 6 tháng sẽ xả đáy và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Nhà máy.

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Nước thải → bể gom → bể điều hòa → cụm bể trộn/phản ứng → bể lắng hóa lý → bể lọc → bể khử trùng → bể chứa tái sử dụng → tái sử dụng cho quá trình rửa mảnh nhựa.

Hiện nay, CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi CCN đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước CCN theo đúng quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công: phủ bạt thùng xe trong quá trình vận chuyển, vệ sinh xe trước khi ra khỏi công trường, phun nước tưới ẩm đoạn đường vào CCN nhằm hạn chế ô nhiễm bụi đến các khu vực lân cận. Phun nước tưới ẩm, giới hạn tốc độ, hạn chế các tác động đến khu vực lân cận.

b. Giai đoạn hoạt động

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

- Bố trí quạt công nghiệp tại các vị trí đứng máy và trong khu vực nhà xưởng để làm thông thoáng không khí trong nhà xưởng.

- Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ó hạt nhựa bằng vật liệu hấp phụ trước khi thải ra ngoài.

Sơ đồ công nghệ xử lý: Khí thải từ quá trình ó hạt nhựa → Quạt hút → hấp phụ bằng than hoạt tính → ống khói → thải ra môi trường đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ cột B, $K_p=1$, $K_v=1,2$.

- Lắp chụp hút tại máy ó hạt nhựa để thu gom khí thải về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý.

- Bê tông các tuyến đường nội bộ.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án với tổng diện tích là 1.045 m².

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- CTR sinh hoạt: trang bị các thùng rác và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý.

- CTNH: thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường, lưu chứa trong thùng kín có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại, lưu chứa tạm thời khu vực lán trại hoặc kho vật tư và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- CTR sinh hoạt: được thu gom, phân loại và đưa về lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- CTR sản xuất: Phôi pet, chai pet bị lỗi trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom, đưa về tái sản xuất lại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải trước khi xử lý tiến hành lấy mẫu, phân tích và so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT, nếu có chứa thành phần nguy hại sẽ đưa đi xử lý cùng với CTNH, nếu không chứa thành phần nguy hại sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến bơm hút đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Xây dựng khu vực lưu chứa CTNH có diện tích 20 m² trong diện tích dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và tra dầu mỡ máy móc thiết bị hư hỏng.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, tránh tình trạng các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động trong cùng một lúc.

b. Giai đoạn hoạt động

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào nhà máy phải hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Bố trí mặt bằng nhà xưởng sản xuất phù hợp về không gian.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Ban hành nội quy cụ thể và đào tạo, huấn luyện người lao động về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy để cảnh báo, phòng nguy cơ cháy nổ, điện giật... và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Phòng sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải: bố trí nhân viên có chuyên môn để vận hành, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đường ống, bơm, quạt hút và các hạng mục xử lý để kịp thời phát hiện và khắc phục.

- Khu vực chứa nguyên, nhiên liệu, vật liệu xây dựng được lưu chứa gọn gàng, quy hoạch vị trí phù hợp, có biện pháp phòng chống cháy nổ, loại bỏ các nguồn dễ cháy ra khỏi khu vực.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải Nhà máy.

b. Giai đoạn hoạt động

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình ó hạt nhựa.
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại diện tích 20 m².
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công của dự án

- Giám sát hàng ngày hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng, sắp xếp đậu đỗ xe hợp lý.

- Bố trí khu vực thu gom và quản lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và CTNH), bố trí công nhân thường xuyên thu gom, lưu trữ và hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải rắn hàng ngày đảm bảo vệ sinh và không ảnh hưởng đến hoạt động thi công của công nhân.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

a. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Giám sát khí thải

+ Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.

+ Chỉ tiêu: Bụi tổng, VOC. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K_p=1, K_v=1,2. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát việc thu gom CTR thông thường và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

b. Giai đoạn vận hành thương mại

- Giám sát khí thải:

+ Vị trí giám sát: Tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải tại vị trí máy ó hạt nhựa.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Chỉ tiêu: Bụi tổng, VOC. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K_p=1, K_v=1,2 và QCVN 20:2009/BTNMT. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

- Giám sát chất thải rắn và CTNH: giám sát việc thu gom CTR thông thường và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại) theo định.

6. Một số yêu cầu bổ sung

- Nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất của dự án là chai nhựa phế liệu, trong suốt, không thu mua chai đựng hóa chất, chất thải nguy hại dưới dạng đóng kiện.
- Đảm bảo dải cây xanh cách ly tại tường rào khu vực các nhà máy xung quanh